

Số: 167 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 5 năm 2025

KẾ HOẠCH

Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Nghị quyết số 194/2025/QH15 ngày 05/5/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013;

Căn cứ Kế hoạch số 05/KH-UBDTSĐBSHP ngày 05/5/2025 của Ủy ban dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 về tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013;

Thực hiện Công văn số 3883/VPCP-PL ngày 06/5/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai tổ chức lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 và Công văn số 2411/BTP-PLHSHC ngày 06/5/2025 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết sửa đổi Hiến pháp năm 2013) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Việc lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương về dự thảo Nghị quyết sửa đổi Hiến pháp năm 2013 nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, huy động trí tuệ, tâm huyết và tạo sự đồng thuận, thống nhất cao của toàn dân trong việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013, bảo đảm Hiến pháp phản ánh đúng ý chí, nguyện vọng của Nhân dân.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương về dự thảo Nghị quyết sửa đổi Hiến pháp năm 2013 phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương phải được tiến hành dân chủ, khoa học, công khai, minh bạch, thực chất, bảo đảm tiến độ, chất lượng và tiết kiệm.

b) Việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương phải bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng; sự chỉ đạo, tổ chức thực hiện chặt chẽ của các địa phương chính quyền; đề cao trách nhiệm người đứng đầu và sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức.

c) Việc lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương cần được thực hiện với các hình thức đa dạng, thích hợp, linh hoạt, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phù hợp với thực tế ở cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi để các tầng lớp Nhân dân tham gia góp ý.

d) Ý kiến đóng góp của Nhân dân, các ngành, các địa phương phải được tập hợp, tổng hợp đầy đủ, chính xác, khách quan và phải được nghiên cứu tiếp thu, giải trình nghiêm túc, làm cơ sở cho việc hoàn thiện dự thảo Nghị quyết để trình Quốc hội xem xét, thông qua.

đ) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng tư tưởng và dư luận xã hội để tạo sự đồng thuận, thống nhất cao; kiên quyết đấu tranh với các luận điệu chống phá, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong quá trình lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, HÌNH THỨC, TÀI LIỆU, THỜI GIAN LẤY Ý KIẾN

1. Đối tượng lấy ý kiến

- Các tầng lớp Nhân dân.
- Các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các địa phương và các tổ chức thành viên.
- Các chuyên gia, nhà khoa học.

2. Nội dung lấy ý kiến

Lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương về toàn bộ dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (*có tài liệu gửi kèm theo*), bao gồm bố cục, nội dung và kỹ thuật trình bày.

3. Hình thức tổ chức lấy ý kiến

- Các cá nhân có thể góp ý kiến trực tiếp trên ứng dụng VNeID, Cổng thông tin điện tử Quốc hội, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc gửi ý kiến bằng văn bản gửi đến các cơ quan có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của Nhân dân nêu tại mục III của Kế hoạch này.

- Các cơ quan, tổ chức, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, yêu cầu tiến độ, tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, địa phương mình, chủ động lên kế hoạch tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến đối tượng thuộc phạm vi quản lý, các chuyên gia, nhà khoa học.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phối hợp với Thường trực Hội đồng

nhân dân cùng cấp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân bằng các hình thức phù hợp với điều kiện thực tiễn theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4. Tài liệu lấy ý kiến

Tài liệu phục vụ lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương bao gồm:

- Kế hoạch số 05/KH-UBDTSĐBSHP ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 về tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;

- Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;

- Bản thuyết minh về dự thảo Nghị quyết;

- Bản so sánh các nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 với quy định hiện hành của Hiến pháp;

(Các tài liệu trên được công bố tại Cổng thông tin điện tử của Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử các Sở, ngành, địa phương).

5. Thời gian lấy ý kiến

Thời gian lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương về dự thảo Nghị quyết bắt đầu từ ngày 06 tháng 5 năm 2025 và hoàn thành vào ngày 05 tháng 6 năm 2025.

III. BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN

1. Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương về dự thảo Nghị quyết sửa đổi Hiến pháp năm 2013 phải tập hợp và phản ánh trung thực, đầy đủ, khách quan các ý kiến đóng góp của Nhân dân, các ngành, các địa phương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

2. Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương cần thể hiện đầy đủ các nội dung theo Mẫu số 01 kèm theo Công văn số 2411/BTP-PLHSHC ngày 06/5/2025 của Bộ Tư pháp *(đính kèm theo)*.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Ngày 06/5/2025: Công bố dự thảo Nghị quyết lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Từ ngày 06/5/2025 đến ngày 30/5/2025: Các cơ quan, tổ chức, địa phương, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân tại cơ quan, tổ chức, địa phương mình theo hình thức xác định tại khoản 3 Mục II Kế hoạch này; các cá nhân có thể trực tiếp đóng góp ý kiến trên ứng dụng VNeID, Cổng thông tin điện tử Quốc hội, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc gửi ý kiến góp ý bằng văn bản đến các cơ quan có trách nhiệm tổng hợp ý kiến Nhân dân.

3. Chậm nhất là ngày 25/5/2025: Các cơ quan, tổ chức, địa phương, các

ngành, các địa phương gửi Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến đến Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp).

4. Chậm nhất là ngày 28/5/2025: Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương để UBND tỉnh báo cáo Chính phủ (qua Bộ Tư pháp) đúng thời gian quy định (chậm nhất ngày 30 tháng 5 năm 2025).

V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM

Kinh phí phục vụ cho việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương về dự thảo Nghị quyết do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

VI. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

Phối hợp tổ chức việc lấy ý kiến nhân dân và tổng hợp kết quả lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết sửa đổi Hiến pháp năm 2013 tại các cơ quan, tổ chức và địa phương gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) tổng hợp chung toàn tỉnh.

2. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông có kế hoạch thực hiện việc thông tin tuyên truyền, giới thiệu nội dung, hình thức, phương pháp tiến hành lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa phương về dự thảo Nghị quyết sửa đổi Hiến pháp năm 2013; đấu tranh phản bác thông tin, luận điệu sai trái trong việc tổ chức lấy ý kiến góp ý của Nhân dân về dự thảo Nghị quyết sửa đổi Hiến pháp năm 2013. Đồng thời, nắm chắc diễn biến tư tưởng, dư luận xã hội, báo cáo, xử lý kịp thời vướng mắc phát sinh.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ trì chịu trách nhiệm công bố toàn văn dự thảo Nghị quyết sửa đổi Hiến pháp năm 2013 và các tài liệu kèm theo phục vụ lấy ý kiến Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh gửi về Sở Tư pháp tổng hợp chung của toàn tỉnh.

4. Sở Tư pháp

a) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn cơ quan, địa phương tổ chức lấy ý kiến theo các hình thức phù hợp và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân; tham mưu UBND tỉnh báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh gửi Chính phủ (thông qua Bộ Tư pháp) đảm bảo thời gian theo quy định.

b) Phối hợp với cơ quan báo chí, truyền thông các sở, ngành, UBND cấp huyện để phổ biến nội dung Nghị quyết sửa đổi Hiến pháp năm 2023 và kêu gọi sự tham gia của đông đảo quần chúng Nhân dân trên địa bàn tỉnh bằng hình thức

phù hợp.

5. Công an tỉnh

Tổ chức hướng dẫn người dân tham gia đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết thông qua ứng dụng VNeID theo chỉ đạo của Bộ Công an; tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn tỉnh qua ứng dụng VNeID gửi về Sở Tư pháp đúng thời gian quy định.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và tổ chức thành viên

a) Chỉ đạo hệ thống cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ tỉnh đến cơ sở tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia đóng góp ý kiến về dự thảo Nghị quyết;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, ban, ngành tỉnh tổ chức lấy ý kiến đóng góp trong tổ chức mình với phạm vi, hình thức thích hợp và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) tổng hợp chung.

7. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến tài liệu lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết tại cơ quan, đơn vị mình; Tổ chức công tác lấy ý kiến bằng các hình thức phù hợp theo khoản 3 Mục II Kế hoạch này; tiếp nhận, tổng hợp ý kiến góp gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh (Thông qua Sở Tư pháp) để tổng hợp chung trong toàn tỉnh theo quy định.

8. Đài Phát thanh – Truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai có trách nhiệm mở chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền, phổ biến và phản ánh, đưa tin trong quá trình lấy ý kiến của Nhân dân về dự thảo Nghị quyết.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Công bố tài liệu lấy ý kiến trên Trang thông tin điện tử chính thức của địa phương (từ nguồn công bố tại Cổng thông tin điện tử Quốc hội); chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức lấy ý kiến theo các hình thức phù hợp theo khoản 3 Mục II Kế hoạch này và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân ở địa phương mình gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh (Thông qua Sở Tư pháp) để tổng hợp chung trong toàn tỉnh theo quy định.

b) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến Nhân dân về mục đích, ý nghĩa của việc sửa đổi Hiến pháp; tổ chức lấy ý kiến nhân dân trên địa theo hình thức phù hợp, bảo đảm mọi tầng lớp Nhân dân được tiếp cận đầy đủ thông tin và tham gia góp ý, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; tổng hợp ý kiến góp ý gửi về UBND cấp huyện để tổng hợp chung gửi Sở Tư pháp.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các địa

phương về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kế hoạch này; báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) theo đúng thời gian quy định để tổng hợp, báo cáo Chính phủ (qua Bộ Tư pháp)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, các phòng, ban, trung tâm THNC.



CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

QUỐC HỘI

Nghị quyết số: /2025/QH15
Dự thảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013**

QUỐC HỘI

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
Căn cứ Nghị quyết số 194/2025/QH15 ngày 05 tháng 5 năm 2025 của
Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; thể hiện ý chí, nguyện vọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; được tổ chức và hoạt động thống nhất trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cùng với các tổ chức thành viên khác của Mặt trận hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động dưới sự chủ trì của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, điều lệ của mỗi tổ chức. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10

Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động, trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho đoàn viên công đoàn và người lao động; là đại diện của người lao động ở cấp quốc gia trong quan hệ lao động và quan hệ quốc tế về công đoàn; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 84 như sau:

“1. Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có quyền trình dự án luật trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 110 như sau:

“Điều 110

1. Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập.

3. Việc xác định các loại đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính do Quốc hội quy định.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 111 như sau:

“2. Chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức ở đơn vị hành chính phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 112 như sau:

“2. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của chính quyền địa phương từng cấp.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 114 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 115 như sau:

“2. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân và người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân. Người bị chất vấn phải trả lời trước Hội đồng nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị ở địa phương. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị này có trách nhiệm tiếp đại biểu, xem xét, giải quyết kiến nghị của đại biểu.”.

Điều 2

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước.

3. Khi kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong năm 2025 thì không tiến hành bầu các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân tại đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp; không bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hình thành sau sắp xếp. Căn cứ thông báo của cấp ủy có thẩm quyền quản lý cán bộ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân, Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hình thành sau sắp xếp; Thủ tướng Chính phủ chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hình thành sau sắp xếp; Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ định Ủy viên Ủy ban nhân dân của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hình thành sau sắp xếp và chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp; Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã chỉ định Ủy viên Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp. Trường hợp đặc biệt, cho phép chỉ định nhân sự không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân giữ các

chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hình thành sau sắp xếp.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày ... tháng ... năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

ỦY BAN DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013

**BẢN SO SÁNH CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
MỘT SỐ ĐIỀU CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CỦA HIẾN PHÁP**

CƠ

Tháng 5 - 2025

STT	QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013	DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
-----	---------------------------------	--------------------------

	MỘT SỐ ĐIỀU CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013	
1. Điều 9 1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. 2. Công đoàn Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; cùng các tổ chức thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	Điều 9 1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; thể hiện ý chí, nguyện vọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. 2. Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; được tổ chức và hoạt động thống nhất trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cùng với các tổ chức thành viên khác của Mặt trận hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động dưới sự chủ trì của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	

	3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động.	3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, <i>điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, điều lệ của mỗi tổ chức</i>. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động.
2.	Điều 10 Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	Điều 10 Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động được thành lập trên cơ sở tự nguyện, trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho <i>đoàn viên công đoàn</i> và người lao động; là <i>đại diện của người lao động ở cấp quốc gia trong quan hệ lao động và quan hệ quốc tế về công đoàn</i>; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
2.	Điều 84 1. Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận có quyền trình dự án luật	Điều 84 1. Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận có quyền trình dự án luật

	trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội. 2. Đại biểu Quốc hội có quyền trình kiến nghị về luật, pháp lệnh và dự án luật, dự án pháp lệnh trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.	trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội. 2. Đại biểu Quốc hội có quyền trình kiến nghị về luật, pháp lệnh và dự án luật, dự án pháp lệnh trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.
3.	Điều 110 1. Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân định như sau: Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tỉnh chia thành huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện, thị xã và đơn vị hành chính tương đương; Huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã và thành phố thuộc tỉnh chia thành phường và xã; quận chia thành phường. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập. 2. Việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phải lấy ý kiến Nhân dân địa phương và theo trình tự, thủ tục do luật định.	Điều 110 1. Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. 2. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập. 3. Việc xác định các loại đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phải lấy ý kiến Nhân dân địa phương do Quốc hội quy định.
4.	Điều 111 1. Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2. Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do luật định.	Điều 111 1. Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2. Cấp Chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức ở đơn vị hành chính phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định.

5.	Điều 112 1. Chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương; quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương. 3. Trong trường hợp cần thiết, chính quyền địa phương được giao thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan nhà nước cấp trên với các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đó.	Điều 112 1. Chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương; quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của chính quyền địa phương từng cấp. 3. Trong trường hợp cần thiết, chính quyền địa phương được giao thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan nhà nước cấp trên với các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đó.
6.	Điều 114 1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. 2. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.	Điều 114 1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. 2. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.
7.	Điều 115 1. Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương; liên hệ chặt chẽ với	Điều 115 1. Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương; liên hệ chặt chẽ với

tri, chịu sự giám sát của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân, trả lời những yêu cầu, kiến nghị của cử tri; xem xét, đón đầu việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên Nhân dân tham gia quản lý nhà nước. 2. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, Chánh án Toà án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân. Người bị chất vấn phải trả lời trước Hội đồng nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị ở địa phương. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị này có trách nhiệm tiếp đại biểu, xem xét, giải quyết kiến nghị của đại biểu.	cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân, trả lời những yêu cầu, kiến nghị của cử tri; xem xét, đón đầu việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên Nhân dân tham gia quản lý nhà nước. 2. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, Chánh án Toà án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân. Người bị chất vấn phải trả lời trước Hội đồng nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị ở địa phương. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị này có trách nhiệm tiếp đại biểu, xem xét, giải quyết kiến nghị của đại biểu.
---	--

Mẫu số 01

Đề cương Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 của cơ quan, Bộ, ngành, địa phương
(kèm theo Công văn số 2441/BTP-PLSHC ngày 06/5/2025 của Bộ Tư pháp)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VIỆC LẤY Ý KIẾN

1. Công tác chỉ đạo, quán triệt, triển khai

Nêu kết quả triển khai, cụ thể như:

- Chỉ đạo, quán triệt các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện việc tổ chức lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết; chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí trực thuộc thực hiện việc phổ biến, tuyên truyền, đưa tin bằng các hình thức phù hợp...

- Ban hành kế hoạch hoặc văn bản chỉ đạo, hướng dẫn (nếu có)...

2. Về công tác tuyên truyền, phổ biến

Nêu các kết quả đạt được, cụ thể như:

- Công bố tài liệu lấy ý kiến (nếu có)¹;

- Mở chuyên trang, chuyên mục để cập nhật, đưa tin về tình hình tổ chức lấy ý kiến²;

- Tổ chức các hội nghị phổ biến, quán triệt về nội dung và cách thức lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết (nếu có);

- Các hình thức tuyên truyền, phổ biến khác.

3. Về hình thức, đối tượng lấy ý kiến

Liệt kê các hình thức, đối tượng lấy ý kiến đã được thực hiện theo yêu cầu tại điểm II.1 và II.3 Kế hoạch số 05/KH-UBDTSĐBSHP.

Lưu ý: nêu cụ thể số lượng hội nghị, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết đã được tổ chức tại cơ quan, Bộ, ngành, địa phương.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN

1. Tổng số ý kiến góp ý

Tổng số ý kiến góp ý mà cơ quan, Bộ, ngành, địa phương nhận được, trong đó có ý kiến của cơ quan, tổ chức và ý kiến của cá nhân (nêu số lượng cụ thể).

¹ Kế hoạch số 05/KH-UBDTSĐBSHP yêu cầu công bố dự thảo Nghị quyết lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các cấp trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (điểm III.5, V.1).

² Kế hoạch số 05/KH-UBDTSĐBSHP yêu cầu: các cơ quan thông tấn, báo chí có trách nhiệm mở chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền, phổ biến và phản ánh, đưa tin trong quá trình lấy ý kiến của Nhân dân về dự thảo Nghị quyết (điểm III.8).

2. Về những ý kiến chung

Nêu những ý kiến chung về dự thảo Nghị quyết (nếu có) và số lượng ý kiến.

3. Về kết quả cụ thể

3.1. Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 9³

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức;
.... ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành: ý kiến
- Ý kiến không tán thành: ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3.2. Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 10⁴

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức;
.... ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành: ý kiến
- Ý kiến không tán thành: ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3.3. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 84⁵

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức;
.... ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành: ý kiến
- Ý kiến không tán thành: ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3.4. Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 110⁶

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức;
.... ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành: ý kiến
- Ý kiến không tán thành: ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3.5. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 111⁷

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức;
.... ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành: ý kiến
- Ý kiến không tán thành: ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3.6. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 112⁸

³ Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

⁴ Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

⁵ Khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

⁶ Khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

⁷ Khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

⁸ Khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức; ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành:..... ý kiến

- Ý kiến không tán thành:..... ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3.7. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 114⁹

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức; ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành:..... ý kiến

- Ý kiến không tán thành:..... ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3.8. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 115¹⁰

Tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức; ý kiến của cá nhân)

- Ý kiến tán thành: ý kiến

- Ý kiến không tán thành: ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

4. Về kỹ thuật lập hiến

Nêu ý kiến góp ý về kỹ thuật lập hiến (nếu có); tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức; ý kiến của cá nhân)

5. Về các nội dung khác (nếu có)

Nêu ý kiến góp ý nội dung khác (nếu có); tổng số có ý kiến góp ý (trong đó ý kiến của cơ quan, tổ chức; ý kiến của cá nhân)

Việc tổng hợp số lượng và nội dung góp ý thể hiện tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở tổng hợp kết quả góp ý về dự thảo Nghị quyết tại phần II nêu trên, cơ quan, Bộ, ngành, địa phương nêu cụ thể quan điểm, đề xuất của mình về việc tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013./.

⁹ Khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

¹⁰ Khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

Mẫu số 02

Phụ lục kèm theo Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến tại cơ quan, Bộ, ngành, địa phương
(kèm theo Công văn số 2441/BTP-PLHSHC ngày 06/5/2025 của Bộ Tư pháp)

STT	Nội dung	Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến			Ý kiến tán thành		Ý kiến không tán thành	
		Tổng số	Số lượng cơ quan, tổ chức	Số lượng cá nhân	Số lượng	Số lượng	Số lượng	Lý do (nếu ngắn gọn)
I	GÓP Ý VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT							
1	Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 9							
2	Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 10							
3	Về nội dung sửa đổi, bổ sung 1 Điều 84							
4	Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 110							
5	Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 111							
6	Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 112							
7	Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 114							
8	Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 115							
9	Về kỹ thuật lập hiến							

10	Về nội dung khác (nếu có)						
	<i>Tổng số ý kiến</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Tổng số</i>	
II	SỐ LƯỢNG HỘI NGHỊ, HỘI THẢO, TỌA ĐÀM LẤY Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	<i>Tổng số hội nghị, hội thảo, tọa đàm đã được tổ chức tại cơ quan, Bộ, ngành, địa phương</i>					

Mẫu số 03

Đề cương Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 trên ứng dụng VNeID

(kèm theo Công văn số 2441/BTP-PLHSHC ngày 06/5/2025 của Bộ Tư pháp)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VIỆC LẤY Ý KIẾN TRÊN ỨNG DỤNG VNeID

Nêu kết quả những hoạt động Bộ Công an đã triển khai như:

- Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện;
- Thiết lập và quản lý hệ thống phần mềm lấy ý kiến người dân về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 trên ứng dụng VNeID;
- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện việc góp ý trên ứng dụng VNeID;
- Các hoạt động khác (nếu có).

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN TRÊN ỨNG DỤNG VNEID

1. Tổng số ý kiến

Tính đến 24h00 ngày 29/5/2025, có tổng số ý kiến góp ý của cá nhân về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 trên ứng dụng VNeID.

2. Kết quả cụ thể

2.1. Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 9¹

Tổng số có ý kiến góp ý

- Ý kiến tán thành:..... ý kiến
- Ý kiến không tán thành:..... ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

2.2. Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 10²

Tổng số có ý kiến góp ý

- Ý kiến tán thành:..... ý kiến
- Ý kiến không tán thành:..... ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

2.3. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 84³

Tổng số có ý kiến góp ý

- Ý kiến tán thành:..... ý kiến
- Ý kiến không tán thành:..... ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

¹ Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

² Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

³ Khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

2.4. Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 110⁴

Tổng số có ý kiến góp ý

- Ý kiến tán thành:..... ý kiến

- Ý kiến không tán thành:..... ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

2.5. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 111⁵

Tổng số có ý kiến góp ý

- Ý kiến tán thành:..... ý kiến

- Ý kiến không tán thành:..... ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

2.6. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 112⁶

Tổng số có ý kiến góp ý

- Ý kiến tán thành:..... ý kiến

- Ý kiến không tán thành:..... ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

2.7. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 114⁷

Tổng số có ý kiến góp ý

- Ý kiến tán thành:..... ý kiến

- Ý kiến không tán thành:..... ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

2.8. Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 115⁸

Tổng số có ý kiến góp ý

- Ý kiến tán thành: ý kiến

- Ý kiến không tán thành: ý kiến, lý do (nêu ngắn gọn).

3. Về kỹ thuật lập hiến

Nêu ý kiến góp ý về kỹ thuật lập hiến (nếu có) và tổng số ý kiến.

4. Về các nội dung khác (nếu có)

Nêu ý kiến góp ý về nội dung khác (nếu có) và tổng số có ý kiến.

Việc tổng hợp số lượng và nội dung góp ý thể hiện tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đánh giá chung về tình hình, kết quả lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 trên ứng dụng VNeID./.

⁴ Khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

⁵ Khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

⁶ Khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

⁷ Khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

⁸ Khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

Mẫu số 06

Phụ lục kèm theo Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 trên Cổng thông tin điện tử Quốc hội/Cổng thông tin điện tử Chính phủ
(kèm theo Công văn số 2441/BTP-PLHSHC ngày 06/5/2025 của Bộ Tư pháp)

STT	Nội dung	Tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến			Ý kiến tán thành		Ý kiến không tán thành	
		Tổng số	Số lượng tổ chức	Số lượng cá nhân	Số lượng	Số lượng	Số lượng	Lý do (nếu ngắn gọn)
1	Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 9							
2	Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 10							
3	Về nội dung sửa đổi, bổ sung 1 Điều 84							
4	Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 110							
5	Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 111							
6	Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 112							
7	Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 114							
8	Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 115							
9	Về kỹ thuật lập hiến							
10	Về nội dung khác (nếu có)							
	Tổng số ý kiến	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	